|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 203/2014/TT-BTC NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

**HƯỚNG DẪN XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN ĐỌNG TẠI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN**

| **STT** | **Điều, khoản, điểm** | **Nội dung quy định hiện hành** | **Nội dung sửa đổi, bổ sung** | **Thuyết minh** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 203/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan (15 nội dung)** | | | |
|  | Sửa đổi khoản 3 Điều 1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  3. Thông tư này không điều chỉnh đối với:  a) Hàng hóa tồn đọng ngoài địa bàn hoạt động hải quan hoặc hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan nhưng không thuộc đối tượng giám sát hải quan;  b) Hàng hóa tồn đọng là tang vật vi phạm pháp luật được xác định là buôn lậu thuộc đối tượng xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước theo thủ tục hành chính hoặc xử lý hình sự;  c) Hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam xử lý theo Nghị định số 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006 của Chính phủ về xử lý hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  3. Thông tư này không điều chỉnh đối với:  a) Hàng hóa tồn đọng ngoài địa bàn hoạt động hải quan hoặc hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan nhưng không thuộc đối tượng giám sát hải quan;  b) **Hàng hóa tồn đọng là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, vật chứng của vụ án** được xử lý theo quy định của **pháp luật chuyên ngành;**  c) Hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam được xử lý theo quy định pháp luật về xử lý hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam. | Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật hình sự và các pháp luật khác có liên quan. |
|  | Sửa đổi khoản 5 Điều 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  5. Hãng tàu; đại lý hãng tàu; doanh nghiệp giao nhận; đại diện theo ủy quyền của hãng tàu, doanh nghiệp giao nhận (sau đây gọi chung là người vận chuyển). | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  5. Hãng tàu; hãng hàng không; đại lý hãng tàu, **hãng hàng không**; đại diện theo ủy quyền của hãng tàu, **hãng hàng không**; **doanh nghiệp vận chuyển**, giao nhận hàng hóa (sau đây gọi chung là người vận chuyển). | Để chi tiết hóa phạm vi điều chỉnh đối với chủ thể thực hiện hoạt động vận chuyển hàng hóa là các hãng hàng không hoặc đại lý hãng hàng không, đại diện theo ủy quyền của hãng hàng không và doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa. Đây là các chủ thể chính trong hoạt động vận chuyển hàng hóa, nắm giữ thông tin của chủ hàng và hàng hóa tồn đọng. |
|  | Sửa đổi khoản 2 Điều 5 | **Điều 5. Xác định hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ**  2. Hàng hóa mà chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan (cảng biển, cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, cảng nội địa ICD, địa điểm thu gom hàng lẻ CFS, kho ngoại quan, cảng hàng không, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và các địa bàn hoạt động hải quan khác) mà chủ hàng không đến nhận, không hồi đáp sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.  Việc xác định chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ tại một số địa bàn hoạt động hải quan đặc thù được thực hiện như sau:  a) Đối với hàng hóa trong kho ngoại quan:  - Chậm nhất là 15 ngày, trước ngày hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan hết hạn, chủ kho ngoại quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa biết về hợp đồng thuê kho hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho sắp hết hạn để chủ hàng làm thủ tục đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan;  - Quá thời hạn 90 ngày, kể từ ngày hết hạn hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hàng hóa hết hạn hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan mà chủ hàng hóa không đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan thì hàng hóa đó được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.  b) Đối với hàng hóa tại doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính:  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hàng hóa nhập khẩu gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hóa gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu nhưng không phát được cho người nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa đến nhận. Trường hợp quá 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần 1 mà chưa có người đến nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo lần 2 bằng văn bản cho chủ hàng hóa. Thông báo được gửi bằng thư bảo đảm qua dịch vụ chuyển phát có ký nhận hồi báo. Thời hạn để chủ hàng hóa đến nhận là 90 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu;  - Hết thời hạn đến nhận hàng hóa mà chủ hàng hóa không đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.  c) Đối với hàng hóa, hành lý tại cảng hàng không:  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc kể từ ngày hành lý được vận chuyển đến địa điểm đến (đối với hành lý), người vận chuyển có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người gửi hàng đến nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc niêm yết tại sân bay (đối với hành lý). Thời hạn thông báo là 60 ngày (đối với hàng hóa), 30 ngày (đối với hành lý) kể từ ngày bắt đầu thông báo, niêm yết;  - Hết thời hạn thông báo mà không có người đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa, hành lý được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ. | **Điều 5. Xác định hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ**  2. Hàng hóa mà chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan (cảng biển, cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, cảng nội địa ICD, địa điểm thu gom hàng lẻ, kho ngoại quan, cảng hàng không, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và các địa bàn hoạt động hải quan khác) mà chủ hàng không đến nhận, không hồi đáp khi được doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng thông báo.  Việc xác định chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ tại một số địa bàn hoạt động hải quan đặc thù được thực hiện như sau:  a) Đối với hàng hóa trong kho ngoại quan:  - Chậm nhất là 15 ngày, trước ngày hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan hết hạn, chủ kho ngoại quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa biết về hợp đồng thuê kho hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho sắp hết hạn để chủ hàng làm thủ tục đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan;  - Quá thời hạn 90 ngày, kể từ ngày hết hạn hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hàng hóa hết hạn hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan mà chủ hàng hóa không đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan thì hàng hóa đó được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.  b) Đối với hàng hóa tại doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính:  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hàng hóa nhập khẩu gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hóa gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu nhưng không phát được cho người nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa đến nhận. Trường hợp quá 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần 1 mà chưa có người đến nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo lần 2 bằng văn bản cho chủ hàng hóa. Thông báo được gửi bằng thư bảo đảm qua dịch vụ chuyển phát có ký nhận hồi báo. Thời hạn để chủ hàng hóa đến nhận là 90 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu;  - Hết thời hạn đến nhận hàng hóa mà chủ hàng hóa không đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.  c) Đối với hàng hóa, hành lý tại cảng hàng không:  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc kể từ ngày hành lý được vận chuyển đến địa điểm đến (đối với hành lý), người vận chuyển có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người gửi hàng đến nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc niêm yết tại sân bay (đối với hành lý). Thời hạn thông báo là 60 ngày (đối với hàng hóa), 30 ngày (đối với hành lý) kể từ ngày bắt đầu thông báo, niêm yết;  - Hết thời hạn thông báo mà không có người đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa, hành lý được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.  d) Thời hạn đến nhận hàng đối với hàng hóa tại các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan mà không thuộc quy định tại điểm a, b, c khoản này là 90 ngày kể từ ngày thông báo.” | Về chủ thể thực hiện thông báo, khoản 2 Điều 5 đang quy định hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan mà chủ hàng không đến nhận, không hồi đáp sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo. Tuy nhiên điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 quy định trách nhiệm thông báo của chủ kho ngoại quan, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, và người vận chuyển hàng hóa, hành lý qua đường hàng không (là các doanh nghiệp). Vì vậy để thống nhất về mặt thuật ngữ pháp lý, sửa đổi cụm từ *“sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo”* thành “*khi được doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng thông báo”.*  Về chủ thể thực hiện thông báo, khoản 2 Điều 5 đang quy định hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan mà chủ hàng không đến nhận, không hồi đáp sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo. Tuy nhiên điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 quy định trách nhiệm thông báo của chủ kho ngoại quan, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, và người vận chuyển hàng hóa, hành lý qua đường hàng không (là các doanh nghiệp). Vì vậy để thống nhất về mặt thuật ngữ pháp lý, sửa đổi cụm từ *“sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo”* thành “*khi được doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng thông báo”.* |
|  | Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 3 Điều 6 | **Điều 6. Thông báo tình hình hàng hóa tồn đọng cho cơ quan Hải quan**  2. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến lô hàng hóa tồn đọng khi có đề nghị cần làm rõ của cơ quan Hải quan. | **Điều 6. Thông báo tình hình hàng hóa tồn đọng cho cơ quan Hải quan**  2. Người vận chuyển, doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến lô hàng hóa tồn đọng khi có đề nghị cần làm rõ của cơ quan Hải quan.  3. Trường hợp người vận chuyển, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics đã thực hiện quyền lưu giữ, định đoạt đối với hàng hóa tồn đọng, sau đó từ bỏ quyền lưu giữ, định đoạt và chuyển giao cho cơ quan hải quan xử lý theo quy định tại Thông tư này mà hàng hóa thuộc diện buộc phải tiêu hủy thì chi phí tiêu hủy do người vận chuyển, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics chi trả. | Thứ nhất, Điều 4 Thông tư số 203/2014/TT-BTC đã quy định người vận chuyển có trách nhiệm cung cấp thông tin về danh sách vận đơn quá 90 ngày kể từ ngày hàng đến cửa khẩu nhập chưa có người nhận cho doanh nghiệp kinh doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để làm cơ sở theo dõi, tổng hợp tình hình hàng hóa tồn đọng. Thứ hai, thực tế xử lý hàng hóa tồn đọng, cơ quan hải quan phản ánh đã gặp nhiều khó khăn khi xác minh nguồn gốc hàng hóa và thông tin chủ hàng do không có đẩy đủ thông tin, không nhận được sự phối hợp của các bên liên quan đặc biệt là trường hợp người gửi hàng nước ngoài. Vì vậy để thống nhất với cách quy định tại Điều 4 và để tạo điều kiện cho cơ quan hải quan thu thập thông tin trong các trường hợp cần thiết phải xử lý hàng hóa tồn đọng nhanh chóng, cần thiết bổ sung người vận chuyển là chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin khi có đề nghị của cơ quan hải quan.  Bộ luật Hàng hải và Nghị định số 169/2016/NĐ-CP ngày 07/12/2016 của Chính phủ quy định về quyền lưu giữ, định đoạt và xử lý với hàng hóa do hãng tàu vận chuyển để đảm bảo thanh toán tiền vận chuyển, tiền bồi thường do lưu tàu và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa bằng đường biển; Điều 123 Luật Thương mại quy định quyền cầm giữ, định đoạt của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics; Điều 239 Luật Thương mại quy định quyền cầm giữ và định đoạt hàng hóa; Điều 240 quy định về nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics khi cầm giữ hàng hoá.  Do đó, để tăng trách nhiệm của người vận chuyển và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics trong việc xử lý hàng hóa tồn đọng, ngăn chặn trường hợp các bên vận chuyển thiếu trách nhiệm khiến cảng biến Việt Nam thành nơi lưu giữ hàng hóa phế thải, phế liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường hoặc trường hợp hàng tàu, doanh nghiệp logistics kéo dài thời gian lưu giữ, định đoạt hàng hóa đến khi hàng hóa không còn giá trị, có khả năng phải tiêu hủy mới tuyên bố từ bỏ hàng hóa để chuyển giao cho cơ quan hải quan xử lý hàng hóa tồn đọng, dẫn đến tạo gánh nặng cho ngân sách nhà nước[[1]](#footnote-1). |
|  | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  1. Đối với hàng hóa tồn đọng quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 1 Thông tư này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng về hàng hóa tồn đọng, Chi cục Hải quan phải thông báo về hàng hóa tồn đọng. Trường hợp thông tin về hàng hóa tồn đọng do doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng cung cấp không đầy đủ hoặc cần phải xác minh thêm thì thời gian thực hiện việc thông báo được kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng. | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  1. Đối với hàng hóa tồn đọng quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 1 Thông tư này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng về hàng hóa tồn đọng, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu trực thuộc Chi cục Hải quan khu vực phải thông báo về hàng hóa tồn đọng. Trường hợp thông tin về hàng hóa tồn đọng do doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng cung cấp không đầy đủ hoặc cần phải xác minh thêm thì thời gian thực hiện việc thông báo được kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng.  Trường hợp lô hàng hóa tồn đọng có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng qua kiểm tra, xác minh phát hiện hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì thời điểm cơ quan hải quan phải tiến hành thực hiện thông báo tìm chủ hàng được xác định từ ngày cơ quan Hải quan niêm phong hàng hóa và giao cho doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng bảo quản. | Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 203/2014/TT-BTC thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về hàng hóa tồn đọng của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, Chi cục Hải quan phải thông báo về hàng hóa tồn đọng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 203/2014/TT-BTC, đối với trường hợp hàng hóa tồn đọng có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng qua kiểm tra, xác minh phát hiện hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong và giao doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng bảo quản trong thời gian thực hiện thủ tục thông báo tìm chủ hàng. Do đó, cần quy định bổ sung thời hạn cơ quan hải quan tiến hành thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng kể từ thời điểm bàn giao cho doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng với trường hợp này. |
|  | Sửa đổi khoản 2 Điều 8 | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  2. Việc thông báo về hàng hóa tồn đọng được thực hiện như sau:  a) Đăng tải trên Báo Hải quan 03 số liên tiếp;  b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hải quan, Trang thông tin về tài sản nhà nước;  c) Niêm yết công khai tại trụ sở Cục Hải quan và Chi cục Hải quan. | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  2. Việc thông báo về hàng hóa tồn đọng được thực hiện như sau:  a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Hải quan, Trang thông tin điện tử về tài sản công;  b) Niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục Hải quan khu vực và trụ sở Hải quan cửa khẩu/Hải quan ngoài cửa khẩu nơi có hàng hóa tồn đọng | Hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan hải quan đã có sự thay đổi trong quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. |
|  | Sửa đổi khoản 4 Điều 8 | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  4. Trong thời hạn đến nhận hàng theo thông báo, nếu chủ hàng hóa/người vận chuyển đến nhận thì được làm thủ tục hải quan và bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và phải chịu các chi phí phát sinh do việc chậm nhận hàng. Trường hợp việc đăng ký tờ khai được thực hiện tại Chi cục Hải quan khác, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai phải có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan quản lý hàng hóa tồn đọng biết để theo dõi và làm các thủ tục tiếp theo. | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  4. Trong thời hạn đến nhận hàng theo thông báo, nếu chủ hàng hóa/người vận chuyển đến nhận thì được làm thủ tục hải quan và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và phải chịu các chi phí phát sinh do việc chậm nhận hàng. Trong trường hợp việc đăng ký tờ khai được thực hiện tại cơ quan hải quan khác cơ quan hải quan quản lý hàng hóa tồn đọng thì cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai phải có văn bản thông báo cho cơ quan hải quan quản lý hàng tồn đọng để theo dõi và làm các thủ tục tiếp theo | Do có sự thay đổi của hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan hải quan trong quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chủ trương của Đảng và Nhà nước và để đảm bảo sự phối hợp công tác của các cơ quan hải quan đóng tại các khu vực, địa bàn khác nhau. |
|  | Sửa đổi khoản 5 Điều 8 | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  5. Quá thời hạn đến nhận hàng hóa theo thông báo quy định tại khoản 3 Điều này mà không có người đến nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đến nhận hàng, Chi cục Hải quan báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan để xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư này. | **Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng**  5. Quá thời hạn đến nhận hàng hóa theo thông báo tại khoản 3 Điều này mà không có người đến nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đến nhận hàng, Hải quan cửa khẩu/Hải quan ngoài cửa khẩu nơi có hàng hóa tồn đọng báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực để xử lý theo quy định tại Thông tư này. | Để phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy mới của cơ quan hải quan sau quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, đồng thời căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan và đề xuất của Cục Hải quan để giảm thời hạn Hải quan cửa khẩu/Hải quan ngoài cửa khẩu nơi có hàng hóa tồn đọng báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực thực hiện xử lý hàng hóa tồn đọng từ 05 ngày xuống còn 03 ngày. |
|  | Sửa đổi khoản 2 Điều 9 | **Điều 9. Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng**  2. Đối với các địa bàn hoạt động hải quan ít phát sinh hàng hóa tồn đọng, Cục trưởng Cục Hải quan có thể quyết định thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng cho từng vụ việc. Thời hạn thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng theo vụ việc là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chi cục Hải quan. Thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. | **Điều 9. Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng**  2. Đối với các địa bàn hoạt động ít phát sinh hàng hóa tồn đọng, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có thể quyết định thành lập Hội đồng xử lý hàng tồn đọng cho từng vụ việc. Thời hạn thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng theo vụ việc là chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Hải quan cửa khẩu/Hải quan ngoài cửa khẩu nơi có hàng hóa tồn đọng. Thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. | Để phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy mới của cơ quan hải quan sau quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 9 | **Điều 9. Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng**  4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng được phép:  a) Thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc cho Hội đồng (như: kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng, thư ký Hội đồng); | **Điều 9. Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng**  4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng được phép:  a) Thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc cho Hội đồng để thực hiện kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng, tiêu hủy, bán tài sản, thư ký Hội đồng và các nhiệm vụ khác liên quan đến xử lý hàng hóa tồn đọng. | Hàng hóa tồn đọng đa dạng về chủng loại, nhiều mặt hàng thuộc danh mục quản lý chuyên ngành, do đó đề nghị bổ sung quy định với trường hợp hàng hóa tồn đọng thuộc danh mục quản lý chuyên ngành (quần áo, điện thoại, rượu, thuốc lá…) khi thành lập Hội đồng xử lý hàng tồn đọng, cơ quan hải quan mời đại diện có thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành làm thành viên Hội đồng. Thành viên Hội đồng có chuyên môn này sẽ chịu trách nhiệm về việc kiểm tra chuyên ngành khi xử lý tài sản, đảm bảo tuân thủ được pháp luật Hải quan về kiểm tra chuyên ngành, đồng thời giảm bớt quy trình, thủ tục trong thực tế thực hiện. |
|  | Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 11 | **Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng**  1. Chủ tịch Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm:  đ) Đại diện cho Hội đồng ký hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ trong quá trình xử lý hàng hóa tồn đọng; ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với người mua được tài sản; giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại Thông tư này; | **Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng**  1. Chủ tịch Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm  đ) Đại diện cho Hội đồng ký hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ trong quá trình xử lý hàng hóa tồn đọng; ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với người mua được tài sản; giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại Thông tư này;  Quyết định giao cho doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, doanh nghiệp đại lý, hãng tàu thực hiện việc tiêu hủy hàng hóa tồn đọng dưới sự giám sát của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng trong trường hợp doanh nghiệp có văn bản đề nghị tự thực hiện và chi trả kinh phí để tiêu hủy hàng hóa tồn đọng. | Đề phù hợp với nhu cầu thực tiễn, khách quan của cả cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng, doanh nghiệp đại lý, hãng tàu trong việc đẩy nhanh tiện độ, hiệu quả của việc giải quyết hàng hóa tồn đọng tại các kho, bãi, cảng thuộc địa bàn hoạt động hải quan nhằm giải phóng mặt bằng kho, bãi và thu hồi vỏ container của các doanh nghiệp. |
|  | Sửa đổi khoản 1 Điều 12 | **Điều 12. Kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng**  1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, đề nghị xử lý hàng hóa tồn đọng của Chi cục Hải quan (đối với địa bàn hoạt động hải quan thành lập Hội đồng thường trực) hoặc kể từ ngày thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng (đối với địa bàn hoạt động hải quan thành lập Hội đồng xử lý theo vụ việc), Hội đồng phải hoàn thành các công việc sau đây:  a) Mở niêm phong hàng hóa hoặc niêm phong container (nếu có);  b) Kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng và lập Bảng kê chi tiết hàng hóa tồn đọng theo Mẫu số 07-THHĐ ban hành kèm theo Thông tư này;  c) Xác định giá trị hàng hóa tồn đọng. | **Điều 12. Kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng**  1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về hải quan mà không có người đến nhận, Hội đồng xử lý hàng tồn đọng phải tổ chức thực hiện các công việc sau:  a) Mở niêm phong hàng hóa hoặc niêm phong container (nếu có);  b) Kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng và lập Bảng kê chi tiết hàng hóa tồn đọng theo Mẫu số 07-THHĐ ban hành kèm theo Thông tư này;  c) Xác định giá trị hàng hóa tồn đọng. | Để đảm bảo sự tương thích và nguyên tắc thống nhất với khoản 1 Điều 36 của Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. |
|  | Sửa đổi khoản 2 Điều 12 | **Điều 12. Kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng**  2. Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch Hội đồng quyết định:  a) Giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng huy động cán bộ của doanh nghiệp tham gia thực hiện việc kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng dưới sự giám sát của Hội đồng;  b) Thuê tổ chức có chức năng giám định, thẩm định giá để giám định, xác định giá trị hàng hóa để Hội đồng xem xét, tham khảo làm căn cứ xác định giá trị hàng hóa. | **Điều 12. Kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng**  2. Chủ tịch Hội đồng quyết định:  a) Giao doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng thực hiện việc kiểm kê, phân loại hàng hóa dưới sự giám sát của Hội đồng;  b) Quyết định thuê tổ chức có chức năng giám định, thẩm định giá để phục vụ việc kiểm kê, phân loại, xác định giá trị hàng hóa tồn đọng.  **Chi phí kiểm kê, phân loại, giám định, thẩm định giá do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng chịu trách nhiệm chi trả theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân*.*** | Để phù hợp với bối cảnh thực tiễn và tạo điều kiện đẩy mạnh khả năng giải quyết tài sản của Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng. |
|  | Bổ sung khoản 4 Điều 12 | Chưa có quy phạm pháp luật | **Điều 12. Kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng**  4. Trong thời gian cơ quan hải quan thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ (hoặc Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ) và quy định tại Thông tư này đến trước thời điểm ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân mà chủ hàng/người vận chuyển đến nhận hàng thì được làm thủ tục hải quan và bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, phải chịu các chi phí phát sinh do chậm nhận hàng (bao gồm cả các chi phí liên quan đến việc kiểm kê, phân loại, định giá tài sản) đến thời điểm nhận hàng.  Quy định này không áp dụng với trường hợp hàng hóa tồn đọng là hàng hóa gửi kho ngoại quan và đã quá thời hạn lưu giữ trong kho ngoại quan theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan. | Điều 36 của Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thời điểm cơ quan hải quan thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu toàn dân với hàng hóa tồn đọng kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu. Tuy nhiên, Thông tư số 203/2014/TT-BTC chưa quy định rõ về quyền nhận hàng và làm thủ tục hải quan của chủ sở hữu hàng hóa/người vận chuyển trong khoảng thời gian từ thời điểm cơ quan tiến hành các thủ tục liên quan đến xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với hàng hóa tồn đọng (như thủ tục kiểm kê, phân loại, giám định, lập hồ sơ trình người có thẩm quyền xem xét) đến khi ban hành Quyết định xác lập sở hữu toàn dân. Ngoài ra, Điều 61 Luật Hải quan có quy định về thời hạn lưu giữ tối đa với hàng hóa gửi kho ngoại quan. Để tránh trường hợp chủ hàng gửi kho ngoại quan cố tình chây ỳ không đưa hàng ra khỏi kho ngoại quan theo quy định thời hạn gửi kho ngoại quan tại Điều 61 Luật Hải quan, quy định loại trừ đối với trường hợp hàng hóa gửi tại kho ngoại quan và đã quá thời hạn lưu giữ. |
|  |  |  | Thay thế Mẫu số 06-TBTĐ ban hành kèm theo Thông tư số 203/2014/TT-BTC bằng Mẫu số 06-TBTĐ ban hành kèm theo Thông tư này. | Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 06-TBTĐ ban hành kèm theo Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 theo hướng bổ sung một số tiêu chí về thông tin tại biểu mẫu, gồm: (i) Bản lược khai hàng hóa; (ii) Số hồ sơ thông tin về phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; (iii) Ngày xuất cảnh; (iv) Tên doanh nghiệp thực hiện quyền định đoạt, lưu giữ (nếu có). Đồng thời thay thế cụm từ *“Cục Hải quan”* thành *“Chi cục Hải quan khu vực*”; thay thế cụm từ *“Chi cục Hải quan”* thành *“Hải quan cửa khẩu/Hải quan ngoài cửa khẩu trực thuộc Chi cục Hải quan khu vực*” tại phần Nơi nhận của Biểu mẫu.  Lý do: Để đáp ứng với yêu cầu khách quan về thu thập thông tin nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan hải quan và để phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy mới của cơ quan hải quan sau quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. |
| **II.** | **Thay thế một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 203/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan (5 nội dung)** | | | |
|  |  |  | 1. Thay thế cụm từ *“Tổng cục Hải quan”* bằng cụm từ *“Cục Hải quan”* tại khoản 1 Điều 9, Mẫu số 01/QĐ-HĐ.  2. Thay thế cụm từ *“Cục Hải quan”* bằng cụm từ *“Chi cục Hải quan khu vực”*tại khoản 1, khoản 3 Điều 9, Mẫu số 01/QĐ-HĐ.  3. Thay thế cụm từ *“Chi cục Hải quan”* bằng cụm từ *“Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu trực thuộc Chi cục Hải quan khu vực”* tại khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 2 Điều 7, khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 1, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 12.  4. Thay thế cụm từ *“Cục trưởng Cục Hải quan”*bằng cụm từ *“Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực”* tại khoản 5 Điều 8, khoản 1, khoản 3 Điều 12.  5. Thay thế cụm từ *“xác lập quyền sở hữu của Nhà nước”* bằng cụm từ *“xác lập quyền sở hữu toàn dân”*tại khoản 2 Điều 8, tên Mục 3, Mẫu số 04/BBBT. | Nội dung này đã được sửa đổi tại Thông tư số 36/2025/TT-BTC. Tuy nhiên, để thuận lợi trong quá trình áp dụng và thực hiện, dự thảo sẽ quy định cụ thể và đồng thời bổ sung quy định về bãi bỏ khoản 1 Điều 2 Thông tư số 36/2025/TT-BTC. |

1. Công văn số 2918/CHQ-CSQL ngày 23/4/2025 của Cục Hải quan về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 203/2014/TT-BTC về hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan. [↑](#footnote-ref-1)